

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG CẢ NƯỚC

KHU VỰC NÔNG THÔN

Tháng 03 năm 2011

Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 03 NĂM 2011 SO VỚI				Bình quân quý I năm 2011 so với quý I năm 2010
	<i>Kỳ gốc năm 2009</i>	<i>Tháng 03 năm 2010</i>	<i>Tháng 12 năm 2010</i>	<i>Tháng 02 năm 2011</i>	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	123,73	113,97	106,25	102,15	112,82
I, Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	130,16	118,22	108,42	101,89	117,21
1- Lương thực	134,15	117,74	106,25	102,17	115,72
2- Thực phẩm	129,50	118,91	109,18	101,62	118,34
3- Ăn uống ngoài gia đình	126,95	115,96	108,48	102,68	114,57
II, Đồ uống và thuốc lá	119,24	111,01	104,62	100,95	110,33
III, May mặc, mũ nón, giày dép	117,12	109,62	104,33	101,10	108,91
IV, Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	130,56	115,93	106,16	103,99	114,18
V, Thiết bị và đồ dùng gia đình	112,03	107,40	102,78	101,28	106,91
VI, Thuốc và dịch vụ y tế	106,72	104,66	101,50	100,74	104,40
VII, Giao thông	123,85	109,03	108,19	106,44	105,33
VIII, Bưu chính viễn thông	90,72	95,46	99,91	100,00	94,96
IX, Giáo dục	133,97	126,41	105,45	100,99	125,53
X, Văn hoá, giải trí và du lịch	107,79	104,52	102,72	101,14	103,94
XI, Hàng hoá và dịch vụ khác	120,68	109,21	103,52	101,27	109,05

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng